

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2015/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành Điều lệ trường cao đẳng**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Điều lệ trường cao đẳng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 3 năm 2015 và thay thế Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng, Điều 1 Thông tư số 43/2011/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2011 sửa đổi một số điều của Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT và Quyết định số 37/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tạm thời Trường cao đẳng cộng đồng.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trường cao đẳng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng các trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Vũ Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Trường cao đẳng

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về: Nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức và quản lý trường cao đẳng; hoạt động của trường cao đẳng; giảng viên và người học; tài chính và tài sản; quan hệ giữa trường cao đẳng với gia đình và xã hội; tổ chức thực hiện Điều lệ trường cao đẳng.

2. Điều lệ này áp dụng đối với các trường cao đẳng công lập, trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng cộng đồng. Các trường cao đẳng là trường thành viên của các đại học vùng áp dụng Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

3. Trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các quy định về hoạt động của trường cao đẳng và quyền lợi của người học tại Điều lệ này; thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học, riêng về tiêu chuẩn giảng viên, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà trường không được thấp hơn tiêu chuẩn tương ứng quy định tại Điều lệ này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu

a) Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường cao đẳng công lập là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường cao đẳng tư thục là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Bộ luật Lao động, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác, không là công chức hoặc viên chức nhà nước; do nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

2. Góp vốn là việc đưa tài sản vào trường để tạo thành vốn điều lệ của trường cao đẳng tư thục. Tài sản góp vốn có thể bằng đồng Việt Nam (VNĐ), vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác được ghi trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Tổng giá trị các tài sản do các cá nhân đóng góp được quy đổi thành VNĐ theo tỷ giá quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm góp vốn.

3. Vốn điều lệ là tổng giá trị số vốn góp bằng VNĐ của tất cả các thành viên góp vốn, được ghi vào quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ có thể được gia tăng theo nhu cầu xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Thành viên sáng lập là người tham gia trực tiếp đề xuất, chuẩn bị thành lập trường, có tên trong danh sách thành viên sáng lập trong hồ sơ đề nghị thành lập trường; tham gia xây dựng và thông qua quy chế tổ chức và hoạt động đầu tiên của nhà trường và có số vốn góp đáp ứng quy định của trường.

5. Cơ quan trực tiếp quản lý trường cao đẳng công lập là cơ quan, tổ chức được giao quản lý trường cao đẳng theo quy định của pháp luật, bao gồm: Các bộ, ban, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tập đoàn kinh tế; các đại học vùng.

6. Trường cao đẳng cộng đồng là trường cao đẳng công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có hoạt động giáo dục và đào tạo đa cấp, đa ngành với chương trình và kế hoạch đào tạo mềm dẻo phục vụ nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đặt tên trường cao đẳng

1. Tên của trường cao đẳng bao gồm các cụm từ sau đây:

- a) Cụm từ xác định loại trường cao đẳng: Cao đẳng, cao đẳng cộng đồng;
- b) Cụm từ xác định loại hình trường, lĩnh vực, ngành nghề đào tạo (nếu cần);
- c) Tên riêng: Tên địa phương, tên danh nhân văn hóa, tên danh nhân lịch sử Việt Nam, tên cá nhân, tổ chức;
- d) Cụm từ xác định chất lượng, đẳng cấp nếu thấy cần thiết.

2. Trường cao đẳng có tên bằng tiếng Việt và tên giao dịch quốc tế bằng tiếng nước ngoài được dịch theo quy định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tên của trường không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của các trường cao đẳng khác đã được thành lập.

Điều 4. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng do hiệu trưởng ban hành theo quyết nghị của hội đồng trường (đối với trường công lập) hoặc hội đồng quản trị

(đối với trường tư thục) trên cơ sở cụ thể hóa các quy định tại Điều lệ này, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, không trái với các quy định pháp luật có liên quan và phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường cao đẳng

1. Trường cao đẳng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 28 của Luật Giáo dục đại học.

2. Quyền tự chủ của trường cao đẳng được quy định tại Điều 32 của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể sau đây:

- a) Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường;
- b) Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển nhà trường;
- c) Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu học phí tương ứng với điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đối với chương trình đào tạo chất lượng cao và các quy định về tự chủ tài chính đối với trường cao đẳng;
- d) Tuyển sinh và phát triển chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo; in phôi văn bằng, quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật;
- đ) Tổ chức triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường; đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định.

3. Trách nhiệm xã hội của trường cao đẳng thể hiện ở các hoạt động: Báo cáo, công khai và giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật; cam kết với cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động để đạt được các cam kết; không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

4. Trường cao đẳng cộng đồng thực hiện trách nhiệm và quyền của trường cao đẳng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này và các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể dưới đây:

- a) Hợp tác với các trường đại học xây dựng chương trình chuyển tiếp lên trình độ đại học để sinh viên được đào tạo liên thông theo đề án hợp tác và cam kết giữa hai trường trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Tổ chức các chương trình giáo dục cho người lớn tuổi và các chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng;

c) Thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc; nội dung chương trình đào tạo tập trung chủ yếu vào việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp và việc làm cụ thể;

d) Thực hiện kế hoạch đào tạo mềm dẻo để người học có thể được bảo lưu kết quả học tập theo quy định của nhà trường và nhận bằng tốt nghiệp khi hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

đ) Tự quyết định phương án tuyển sinh và tự điều chỉnh tỷ lệ chỉ tiêu tuyển sinh chính quy và vừa làm vừa học trong tổng chỉ tiêu được xác định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Gắn kết chặt chẽ ngành, chương trình đào tạo với nhu cầu nhân lực của địa phương; liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại địa phương trong việc: Hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, cơ sở vật chất; cử cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành.

Chương II **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG CAO ĐẲNG**

Mục 1 **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG**

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng

1. Trường cao đẳng có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 14 của Luật Giáo dục đại học.

Việc thành lập, giải thể các đơn vị thuộc trường cao đẳng; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị được thực hiện theo quy định của Điều lệ này, quy định của pháp luật và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài tự chủ về cơ cấu tổ chức; có trách nhiệm công bố công khai và báo cáo về cơ cấu tổ chức, người đại diện của nhà trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính.

Điều 7. Phân hiệu của trường cao đẳng

Phân hiệu của trường cao đẳng được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 21 của Luật Giáo dục đại học và các quy định cụ thể sau:

1. Phân hiệu của trường cao đẳng có giám đốc, tối đa 02 phó giám đốc phân hiệu và các đơn vị phục vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của phân hiệu. Tiêu chuẩn của giám đốc phân hiệu tương đương tiêu chuẩn phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo của trường cao đẳng; tiêu chuẩn của phó giám đốc phân hiệu tương đương tiêu chuẩn trưởng khoa của trường cao đẳng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của phân hiệu: Thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của trường cao đẳng được giao, tuân thủ sự điều hành chung của hiệu trưởng trường cao đẳng; triển khai các ngành đào tạo khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép đào tạo tại phân hiệu; tổ chức và hoạt động của phân hiệu phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng.

3. Phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 8. Đổi tên trường cao đẳng

1. Tên trường cao đẳng có thể được thay đổi nếu thấy cần thiết và phù hợp với nguyên tắc đặt tên trường theo quy định tại Điều 3 Điều lệ này.

2. Hồ sơ đổi tên trường cao đẳng bao gồm: Tờ trình đề nghị đổi tên trường, trong đó nêu rõ sự cần thiết, những thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, đầu tư cơ sở vật chất (nếu có), làm rõ sự ảnh hưởng đối với việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng; đánh giá tác động đối với sinh viên, viên chức của nhà trường và các chủ thể liên quan; văn bản chấp thuận của cơ quan trực tiếp quản lý trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính; quyết nghị của hội đồng trường (đối với trường cao đẳng công lập) hoặc hội đồng quản trị và của đại hội đồng cổ đông (đối với trường cao đẳng tư thục); dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động mới.

Hồ sơ đổi tên trường cao đẳng được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyên trực tiếp về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Quy trình xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, ra quyết định đổi tên trường. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều này thì Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho trường bằng văn bản.

Mục 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG LẬP

Điều 9. Hội đồng trường

Hội đồng trường của trường cao đẳng công lập được thành lập theo quy định tại Điều 16 của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường

a) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo, giải trình với cơ quan trực tiếp quản lý trường, cơ quan quản lý nhà nước về các điều kiện đảm bảo chất lượng, các kết quả hoạt động, việc thực hiện các cam kết và tài chính của trường;

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thông qua phương án bổ sung, miễn nhiệm hoặc thay thế các thành viên của hội đồng trường;

c) Thông qua quy định về: Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ viên chức, nhân viên hợp đồng của nhà trường;

d) Giới thiệu nhân sự hiệu trưởng, phó hiệu trưởng để thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định; thực hiện đánh giá hàng năm việc hoàn thành nhiệm vụ của hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết;

đ) Yêu cầu hiệu trưởng giải trình về những vấn đề chưa được thực hiện đúng, chưa được thực hiện đầy đủ theo nghị quyết của hội đồng trường (nếu có). Nếu hội đồng trường không đồng ý với giải trình của hiệu trưởng thì báo cáo cơ quan trực tiếp quản lý trường.

2. Hội đồng trường có tổng số thành viên là số lẻ, tối thiểu là 15 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch và 01 thư ký hội đồng. Thành phần hội đồng gồm:

a) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, Bí thư đảng ủy trường, Chủ tịch công đoàn trường, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường;

b) Đại diện giảng viên của một số khoa;

c) Đại diện của cơ quan trực tiếp quản lý trường;

d) Một số thành viên bên ngoài, không phải là giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường, đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhà trường; không phải là người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột với các thành viên khác trong hội đồng trường. Số lượng thành viên bên ngoài không dưới 20% tổng số thành viên của hội đồng trường;

đ) Số lượng, cơ cấu thành viên, quy trình, thủ tục lựa chọn các thành viên, bầu chủ tịch, thư ký hội đồng trường phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Chủ tịch hội đồng trường do hội đồng trường bầu trong số các thành viên của hội đồng trường theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% số thành viên trong danh sách của hội đồng trường đồng ý. Thành viên bên ngoài không phải là công chức, viên chức thì không đảm nhiệm chức vụ chủ tịch hội đồng trường. Chủ tịch hội đồng trường không kiêm nhiệm chức vụ hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng của nhà trường và có nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Triệu tập các cuộc họp của hội đồng trường;

b) Quyết định về chương trình nghị sự, chủ tọa các cuộc họp và tổ chức bỏ phiếu tại cuộc họp;

c) Điều hành hội đồng trường thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 16 của Luật Giáo dục đại học và khoản 1 Điều này.

4. Thư ký của hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường giới thiệu và bổ nhiệm khi được hội đồng trường thông qua với trên 50% số thành viên theo danh sách hội đồng trường đồng ý. Thành viên bên ngoài không phải là công chức, viên chức thì không đảm nhiệm chức vụ thư ký hội đồng trường. Thư ký hội đồng trường không kiêm nhiệm chức vụ hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng, trực tiếp giúp chủ tịch hội đồng trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của trường báo cáo chủ tịch hội đồng trường; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của hội đồng; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của hội đồng trường;

b) Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của hội đồng trường;

c) Các nhiệm vụ khác do chủ tịch hội đồng trường giao.

5. Các thành viên của hội đồng trường có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do hội đồng trường phân công và các nhiệm vụ khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 10. Thủ tục thành lập hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường; hoạt động của hội đồng trường; miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường

1. Thủ tục thành lập hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường:

a) Đối với trường hợp trường cao đẳng chưa có hội đồng trường, việc thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên được thực hiện như sau: Hiệu trưởng chủ trì cuộc họp gồm các thành phần quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9 Điều lệ này để xác định tổng số thành viên hội đồng trường và số lượng thành viên của từng thành phần tham gia hội đồng trường; tổ chức bầu các thành viên đại diện giảng viên của các khoa; đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý trường cử đại diện tham gia hội đồng trường; xác định danh sách các thành viên bên ngoài không phải giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của trường; báo cáo danh sách thành viên hội đồng trường với cơ quan trực tiếp quản lý trường. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo, nếu không có ý kiến khác của cơ quan trực tiếp quản lý trường thì hiệu trưởng tổ chức họp các thành viên trong danh sách nêu trên để bầu chủ tịch hội đồng trường. Trên cơ sở quyết nghị tại cuộc họp này, hiệu trưởng có văn bản đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý trường ra quyết định thành lập hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường;

b) Đối với trường hợp trường cao đẳng đã có hội đồng trường, việc thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện như sau: chủ tịch hội đồng trường đương nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại điểm a khoản này để thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp theo đúng quy định tại Điều lệ này và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

c) Hồ sơ đề nghị thành lập hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường gồm: Tờ trình đề nghị thành lập hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng trường; danh sách và sơ yếu lý lịch của chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; văn bản của cơ quan trực tiếp quản lý trường cử thành viên tham gia hội đồng trường; văn bản đồng ý tham gia hội đồng trường của các thành viên không phải giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu chủ tịch hội đồng trường và các thành viên đại diện cho các khoa.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan trực tiếp quản lý. Số lượng hồ sơ là 01 bộ;

d) Thủ tục thay thế chủ tịch và thành viên hội đồng trường: Trong trường hợp chủ tịch hội đồng trường tự nguyện xin thôi làm chủ tịch hội đồng trường hoặc không thể tiếp tục làm việc hoặc thuộc trường hợp bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hiệu trưởng tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới và gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thay thế chủ tịch hội đồng trường đến cơ quan trực tiếp quản lý trường quyết định. Hồ sơ gồm: Tờ trình nêu rõ lý do bầu thay thế chủ tịch hội đồng trường, văn bản liên quan đến chủ tịch hội đồng trường đương nhiệm, biên bản họp hội đồng trường, biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu chủ tịch hội đồng trường mới.

Trường hợp hội đồng trường bị khuyết thành viên do có thành viên bị miễn nhiệm hoặc bị chết, nghỉ hưu, chuyển chuyên sang công tác khác không còn phù hợp với vị trí làm thành viên thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của các thành viên bị khuyết để lựa chọn thành viên thay thế theo quy trình quy định tại điểm a khoản này. Hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp bổ sung thay thế; biên bản họp hội đồng trường; biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu; các hồ sơ minh chứng liên quan (nếu có);

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan trực tiếp quản lý. Số lượng hồ sơ là 01 bộ;

đ) Quy trình, thủ tục: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà trường, thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý trường ra quyết định thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường hoặc bổ sung thay thế thành viên hội đồng trường. Trường hợp không đồng ý do hồ sơ còn thiếu hoặc không bảo đảm quy định thì cơ quan trực tiếp quản lý phải có trách nhiệm trả lời trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hoạt động của hội đồng trường

a) Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất 6 tháng một lần và họp bất thường khi có đề nghị bằng văn bản của trên 30% tổng số thành viên hội đồng trường hoặc có đề nghị của hiệu trưởng hoặc của chủ tịch hội đồng trường.

Cuộc họp của hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng tham dự. Quyết nghị của hội đồng chỉ có giá trị khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng trường đồng ý. Các cuộc họp phải ghi biên bản và gửi đến cơ quan trực tiếp quản lý trường chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp;

b) Hội đồng trường được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của nhà trường để triển khai các công việc của hội đồng trường;

c) Chủ tịch hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương hiệu trưởng; thư ký hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương trưởng phòng; phụ cấp cho các thành viên khác trong hội đồng trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của nhà trường.

Kinh phí hoạt động của hội đồng trường, phụ cấp chức vụ của chủ tịch, thư ký và phụ cấp cho các thành viên (nếu có) được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường;

d) Ủy quyền điều hành hội đồng trường: Khi chủ tịch hội đồng trường không thể làm việc trong khoảng thời gian theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường thì chủ tịch hội đồng trường phải có trách nhiệm ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên còn lại của hội đồng trường đảm nhận thay trách nhiệm của chủ tịch hội đồng. Văn bản ủy quyền phải được gửi đến cơ quan trực tiếp quản lý trường và thông báo công khai. Thời gian ủy quyền không quá 6 tháng.

3. Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường

a) Thành viên của hội đồng trường bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng trường; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; sức khỏe không đủ khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; đang chấp hành bản án của tòa án; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng trường kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm; vi phạm các quy định khác ở mức độ miễn nhiệm đã quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

b) Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm chủ tịch và thành viên hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý trường quyết định. Hồ sơ gồm có: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm và các văn bản, minh chứng liên quan.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan trực tiếp quản lý. Số lượng hồ sơ là 01 bộ;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà trường, Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý trường ra quyết định miễn nhiệm; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Hiệu trưởng

Hiệu trưởng trường cao đẳng được quy định tại Điều 20 của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể sau đây:

1. Hiệu trưởng là người điều hành tổ chức, bộ máy của trường cao đẳng. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ hiệu trưởng thì sau khi bổ nhiệm, hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng được quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường trình hội đồng trường phê duyệt;

b) Xây dựng quy định về: Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người lao động trình hội đồng trường thông qua;

c) Tổ chức tuyển dụng, quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động khác theo quy định của pháp luật;

d) Hàng năm, tổ chức đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động khác;

đ) Xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn. Trường hợp không đồng ý với nội dung tư vấn, hiệu trưởng được quyết định, chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định và báo cáo hội đồng trường trong kỳ họp hội đồng trường gần nhất;

e) Tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng trường; trao đổi với chủ tịch hội đồng trường và thống nhất cách giải quyết theo quy định của pháp luật nếu phát hiện nghị quyết vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động chung của nhà trường. Trường hợp không thống nhất được cách giải quyết thì hiệu trưởng báo cáo với cơ quan trực tiếp quản lý trường.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng:

a) Việc bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật hiện hành. Độ tuổi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu của hiệu trưởng không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi ra quyết định bổ nhiệm;

b) Việc miễn nhiệm hiệu trưởng được thực hiện đối với một trong các trường hợp sau đây: Có đề nghị bằng văn bản của hiệu trưởng xin thôi chức vụ; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; sức khỏe không đủ khả năng đảm nhiệm công việc được giao, phải nghỉ làm việc để điều trị quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; sử dụng văn bằng giả hoặc văn bằng

không được cơ quan có thẩm quyền công nhận; có trên 3/4 tổng số thành viên của hội đồng trường kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm hoặc vi phạm các quy định khác ở mức độ miễn nhiệm đã quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

c) Hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan trực tiếp quản lý. Số lượng hồ sơ là 01 bộ.

Điều 12. Phó hiệu trưởng

1. Phó hiệu trưởng trường cao đẳng là người giúp hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường. Mỗi trường cao đẳng có không quá 3 phó hiệu trưởng.

2. Phó hiệu trưởng phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có uy tín và năng lực quản lý, đã tham gia quản lý cấp bộ môn hoặc tương đương trở lên ở trường cao đẳng hoặc đại học ít nhất 5 năm; có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Người được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ phó hiệu trưởng thì sau khi bổ nhiệm, phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường.

3. Phó hiệu trưởng trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của hiệu trưởng; thay mặt hiệu trưởng giải quyết và chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng và pháp luật đối với công việc đã giải quyết; có trách nhiệm báo cáo với hiệu trưởng về tình hình công việc được giao.

4. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm và miễn nhiệm phó hiệu trưởng: Nhiệm kỳ của phó hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm phó hiệu trưởng được thực hiện như đối với hiệu trưởng quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Hội đồng khoa học và đào tạo

Hội đồng khoa học và đào tạo của trường cao đẳng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 19 của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể như sau:

1. Hội đồng khoa học và đào tạo có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của hiệu trưởng, thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng về những công việc: Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo; định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; thẩm định chương trình đào tạo; xem xét công nhận chuyển đổi tín chỉ; xây dựng kế hoạch hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân ở trong nước, nước ngoài để triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, khoa học và công nghệ; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng nhà trường; lựa chọn các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên; đề xuất các giải pháp nâng cao chất

lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san khoa học công nghệ (nếu có), đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong trường.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo có chủ tịch, thư ký và các thành viên. Số lượng thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, bao gồm: Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; trưởng của một số khoa, phòng chức năng trong trường; đại diện giảng viên của nhà trường; giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư; một số đại diện các nhà khoa học có liên quan hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường, không phải giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của trường (nếu cần thiết). Quy định cụ thể về hội đồng khoa học và đào tạo của trường cao đẳng phải được thể hiện trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo do hội đồng bầu trong các thành viên của hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng đồng ý. Chủ tịch hội đồng chỉ định thư ký hội đồng trong số các thành viên của hội đồng.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do chủ tịch hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất là 03 ngày; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa học và đào tạo biểu quyết đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên hiệu trưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

Điều 14. Hội đồng tư vấn

Hiệu trưởng có thể thành lập hội đồng tư vấn về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Hội đồng tư vấn làm theo vụ việc và không hưởng lương.

Hội đồng tư vấn có thể bao gồm các thành viên trong trường, thành viên ngoài trường đang hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Việc thành lập, hoạt động và nhiệm vụ của hội đồng tư vấn phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 15. Khoa

1. Khoa là đơn vị chuyên môn thuộc trường cao đẳng, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc khoa theo phân cấp của hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của trường, bao gồm: Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học; xây dựng đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức

nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa;

e) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường.

2. Trưởng khoa, phó trưởng khoa

a) Trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên thuộc ngành, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đào tạo của khoa. Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mỗi khoa có không quá 02 phó trưởng khoa giúp trưởng khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của khoa.

Phó trưởng khoa phải có trình độ từ đại học trở lên, riêng phó trưởng khoa phụ trách đào tạo phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Đối với khoa không đảm nhận nhiệm vụ chính đào tạo một ngành thì phó trưởng khoa phụ trách đào tạo có trình độ đại học trở lên.

c) Trưởng khoa, phó trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ cao đẳng, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ trưởng khoa, phó trưởng khoa thì sau khi bổ nhiệm, trưởng khoa, phó trưởng khoa phải là giảng viên cơ hữu của nhà trường. Trưởng khoa có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của trưởng khoa có thể theo nhiệm của hiệu trưởng và phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Nhiệm kỳ của phó trưởng khoa theo nhiệm kỳ của trưởng khoa và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu của trưởng khoa, phó trưởng khoa không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm.

Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng khoa, phó trưởng khoa được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Hội đồng khoa

a) Hội đồng khoa được thành lập để tư vấn cho trưởng khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại khoản 1 Điều này; tư vấn cho trưởng khoa trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa. Hội đồng khoa có chủ tịch hội đồng khoa và các thành viên do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa; có số lượng thành viên là số lẻ và có tối thiểu 7 thành viên, gồm: Trưởng khoa, các phó trưởng khoa, các trưởng bộ môn, một số giảng viên trong khoa và một số thành viên bên ngoài khoa, ngoài trường có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của khoa (nếu cần thiết);

b) Chủ tịch hội đồng khoa do hội đồng khoa bầu trong số các thành viên hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa đồng ý;

c) Hội đồng khoa họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do chủ tịch hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa biểu quyết đồng ý. Biên bản cuộc họp của hội đồng khoa phải được gửi kèm cùng với những đề xuất tương ứng của trưởng khoa khi trình hiệu trưởng xem xét quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của khoa;

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của hội đồng khoa được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 16. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc khoa hoặc thuộc trường trong trường cao đẳng. Quy định về tổ chức và hoạt động của bộ môn được thể hiện cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung môn học được trưởng khoa, hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên thuộc lĩnh vực chuyên môn;

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn, của khoa và trường theo yêu cầu của hội đồng trường, hiệu trưởng, trưởng khoa.

3. Trưởng bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ cao đẳng hoặc đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ thạc sĩ trở lên. Người được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ trưởng bộ môn thì sau khi bổ nhiệm, trưởng bộ môn phải là giảng viên cơ hữu của nhà trường.

Trưởng bộ môn có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Nhiệm kỳ của trưởng bộ môn có thể theo nhiệm kỳ của trưởng khoa và phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Độ tuổi bổ nhiệm của trưởng bộ môn phải bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được ít nhất nửa nhiệm kỳ. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ môn được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Trưởng bộ môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của bộ môn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Phó trưởng bộ môn phải có trình độ đại học trở lên. Các quy định khác đối với phó trưởng bộ môn thực hiện tương tự như trưởng bộ môn và được cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

5. Bộ môn của trường cao đẳng có thể thành lập hội đồng tư vấn theo đề nghị của trưởng khoa và quyết định của hiệu trưởng để tư vấn cho trưởng bộ môn trong trường hợp cần thiết. Hội đồng tư vấn có thể có các thành viên ở ngoài bộ môn, ngoài khoa, ngoài trường (nếu cần thiết) và làm theo vụ việc, không hưởng lương. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của hội đồng tư vấn được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng.

6. Bộ môn thuộc trường có tổ chức và hoạt động như bộ môn thuộc khoa và một số nhiệm vụ, chức năng như quy định đối với khoa tại Điều 15 của Điều lệ này. Những quy định cụ thể về bộ môn thuộc trường được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng.

Điều 17. Phòng chức năng

1. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được hiệu trưởng giao.

2. Trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Riêng trưởng phòng quản lý đào tạo, người đứng đầu đơn vị hoặc bộ phận quản lý khoa học và công nghệ phải có trình độ thạc sĩ trở lên và có kinh nghiệm giảng dạy trình độ cao đẳng hoặc đại học ít nhất 5

năm; người đứng đầu đơn vị hoặc bộ phận quản lý hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ cao đẳng hoặc đại học ít nhất 5 năm.

3. Phó trưởng phòng là người giúp trưởng phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phó trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Mỗi phòng chức năng của trường cao đẳng có không quá 02 phó trưởng phòng tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy mô đào tạo của trường, được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

4. Trưởng phòng, phó trưởng phòng có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu tiên của trưởng phòng, phó trưởng phòng không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng thì sau khi bổ nhiệm, trưởng phòng, phó trưởng phòng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường.

Điều 18. Thư viện, trang thông tin điện tử, tạp chí

1. Thư viện, trung tâm thông tin tư liệu của nhà trường có nhiệm vụ cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên; lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học, các ấn phẩm của trường. Thư viện, trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo quy chế do hiệu trưởng ban hành, phù hợp với pháp luật về thư viện, pháp luật về lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

2. Trang thông tin điện tử của có nhiệm vụ đăng tải thông tin và các mặt hoạt động của nhà trường, đảm bảo các thông tin tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thông tin điện tử phải có ban biên tập chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và quản trị hệ thống; có quy chế hoạt động và cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên mạng Internet và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Tạp chí, tập san khoa học công nghệ của trường cao đẳng đăng tải các công trình nghiên cứu nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường và phải có ban biên tập và ban trị sự. Tạp chí, tập san khoa học công nghệ được xuất bản theo bản in hay bản điện tử theo quy định hiện hành về xuất bản. Trưởng ban biên tập phải chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng khoa học của tạp chí, tập san khoa học công nghệ.

Điều 19. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong trường cao đẳng được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hợp tác quốc tế liên quan đến ngành nghề đào tạo của trường; được tổ chức thành các đơn vị thuộc trường, dưới các hình thức và có các nhiệm vụ sau đây:

a) Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới hình thức trung tâm để triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Các đơn vị sự nghiệp được tổ chức dưới hình thức trung tâm, xưởng in, nhà xuất bản và một số đơn vị khác để triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc đào tạo ngắn hạn, cập nhật kiến thức cho các đối tượng có nhu cầu ở trong và ngoài trường; xúc tiến việc phát triển quan hệ quốc tế, kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên; in ấn và xuất bản;

c) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ: Được tổ chức theo hình thức doanh nghiệp hoặc trung tâm dịch vụ để triển khai các dịch vụ về cung cấp thông tin, tư vấn; phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; dịch vụ sinh viên; dịch vụ phục vụ cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu của xã hội;

d) Các đơn vị quy định tại Khoản này không có chức năng tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo để cấp văn bằng.

2. Việc thành lập, giải thể, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Mục 3

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG TƯ THỰC

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các thành viên góp vốn của trường cao đẳng tư thực. Trường hợp trường cao đẳng chỉ có một cổ đông duy nhất thì không có đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Bầu đại diện thành viên góp vốn tham gia vào hội đồng quản trị; bầu, miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát của trường; giải quyết các yêu cầu bổ sung, thay đổi thành viên hội đồng quản trị là đại diện thành viên góp vốn; đề xuất với hội đồng quản trị về việc không công nhận đại diện thành viên góp vốn trong hội đồng quản trị;

b) Thông qua chiến lược đầu tư và kế hoạch phát triển cơ sở vật chất của nhà trường do hội đồng quản trị đề xuất;

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của trường, những quy định có liên quan đến tài chính trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

d) Thông qua quy chế tài chính nội bộ của trường;

đ) Thông qua nghị quyết về tăng, giảm vốn điều lệ, kế hoạch huy động vốn dưới mọi hình thức;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp đại hội đồng cổ đông được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường.

Cuộc họp thường niên của đại hội đồng cổ đông được tổ chức bắt buộc mỗi năm một lần trong thời gian 4 tháng đầu của năm tài chính. Cuộc họp bất thường của đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo một trong những trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của chủ tịch hội đồng quản trị hoặc có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng quản trị kiến nghị tổ chức cuộc họp vì lợi ích của nhà trường;

b) Cần bổ sung hoặc thay thế thành viên góp vốn của hội đồng quản trị;

c) Cá nhân hoặc nhóm thành viên góp vốn sở hữu trên 30% tổng số vốn góp kiến nghị họp bằng văn bản khi phát hiện hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền, trái với quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của nhà trường;

d) Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị đã kéo dài quá 6 tháng nhưng chưa tổ chức cuộc họp để bầu hội đồng quản trị mới thay thế;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

4. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được coi là họp lệ khi có số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp tham dự cuộc họp;

b) Để xử lý cùng một nội dung công việc, trường hợp cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không bảo đảm quy định tại điểm a Khoản này, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ nhất, đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ 2 và được coi là họp lệ khi có số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 51% tổng số vốn góp tham dự họp; trường hợp cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 vẫn chưa họp lệ thì sau 20 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ 2, đại hội đồng cổ đông được tổ chức họp không phụ thuộc vào số lượng và tỷ lệ số vốn góp của các thành viên góp vốn dự họp;

c) Việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) phải được thực hiện theo hình thức thông báo mời họp bằng văn bản; thông báo mời họp phải kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan và phải được gửi cho tất cả các thành viên góp vốn bằng hình thức thư bảo đảm hoặc thư phát chuyển nhanh, có ký xác nhận của người nhận ít nhất 7 ngày trước ngày họp;

d) Các cuộc họp thường niên hoặc bất thường của đại hội đồng cổ đông do chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập; trong trường hợp chủ tịch hội đồng quản trị không triệu tập họp theo kế hoạch của hội đồng quản trị hoặc theo kiến nghị quy định tại

khoản 3 của Điều này, thì sau 30 ngày kể từ ngày dự kiến họp theo kế hoạch của hội đồng quản trị hoặc sau 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị họp bất thường, các thành viên góp vốn có kiến nghị triệu tập họp nêu ở điểm c khoản 3 Điều này chọn một thành viên hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông và cuộc họp đó được coi là hợp lệ.

5. Nội dung các cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải được ghi đầy đủ vào biên bản cuộc họp và được thông qua ngay tại cuộc họp, có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Quyết định của đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp và phải được gửi đến từng thành viên góp vốn, thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

6. Quyết định của đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp có hiệu lực khi được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp chấp thuận, trừ trường hợp có quy định cao hơn của pháp luật, của Điều lệ này hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Việc biểu quyết bầu đại diện góp vốn vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi thành viên góp vốn có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp đang sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát và thành viên góp vốn có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

7. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, thành viên góp vốn, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát có quyền kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét hủy bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông theo một trong các trường hợp: Đại hội đồng cổ đông được tổ chức họp không bảo đảm các quy định tại Điều này hoặc nội dung quyết định của đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật; vi phạm quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 21. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị được thành lập ở trường cao đẳng tư thục theo quy định tại Điều 17 của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Dự kiến chương trình, chuẩn bị tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông; triệu tập đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này;

b) Thông qua quy định về: Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên hợp đồng của nhà trường;

c) Xây dựng và trình đại hội đồng cổ đông thông qua chiến lược đầu tư, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất và quy chế tài chính nội bộ của nhà trường;

d) Thông qua chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học do hiệu trưởng đề xuất;

đ) Quyết nghị về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; thông qua nội dung quy chế tổ chức và hoạt động sau khi đã được đại hội đồng cổ đông thông qua những quy định liên quan đến tài chính, hội đồng khoa học và đào tạo thông qua những quy định liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế;

e) Đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không công nhận hoặc bổ sung thay thế các thành viên trong hội đồng quản trị; bầu hiệu trưởng và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận theo quy định; ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các phó hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của hiệu trưởng;

g) Xây dựng báo cáo hoạt động và quyết toán tài chính hàng năm của nhà trường và trình lên đại hội đồng cổ đông thông qua;

h) Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, giải trình về các hoạt động, việc thực hiện các cam kết của nhà trường với các bên liên quan.

2. Hội đồng quản trị có số thành viên là số lẻ, ít nhất là 7 thành viên. Số lượng và cơ cấu thành viên hội đồng quản trị; việc bầu các thành viên đại diện cho thành viên góp vốn, giảng viên cơ hữu của trường và các quy định cụ thể khác về hoạt động của hội đồng quản trị phải được thể hiện cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Chủ tịch hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên của hội đồng quản trị theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng quản trị đồng ý. Chủ tịch hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Là chủ tài khoản của nhà trường;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp của hội đồng quản trị; triệu tập và chủ trì các cuộc họp hội đồng quản trị; tổ chức việc thông qua và là người chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị của hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng quản trị; chủ trì cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

c) Điều hành hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Ký trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận hiệu trưởng; ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các phó hiệu trưởng;

đ) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

4. Các thành viên của hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ do hội đồng quản trị phân công; được hưởng phụ cấp (nếu có) theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 22. Thủ tục thành lập và công nhận hội đồng quản trị; hoạt động của hội đồng quản trị; không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị

1. Thủ tục thành lập và công nhận hội đồng quản trị

a) Đối với trường cao đẳng tư thục thành lập mới: Sau khi có quyết định thành lập trường, người đại diện đứng tên thành lập trường triệu tập và chủ trì cuộc họp gồm thành viên sáng lập và thành viên góp vốn để xác định tổng số thành viên và số lượng thành viên của từng thành phần của hội đồng quản trị; đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính cử đại diện tham gia hội đồng quản trị; đề nghị tổ chức Đảng, đoàn thể của trường cử đại diện tham gia hội đồng quản trị; tổ chức đề tập thể các thành viên góp vốn, tập thể giảng viên bầu các đại diện của mình tham gia hội đồng quản trị; báo cáo danh sách thành viên hội đồng quản trị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo, nếu không có ý kiến khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì người đại diện đứng tên thành lập trường tổ chức họp các thành viên trong danh sách này để bầu chủ tịch hội đồng quản trị; ký văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị;

b) Đối với trường cao đẳng tư thục chuyển đổi từ trường cao đẳng dân lập: Sau khi có quyết định chuyển đổi sang trường cao đẳng tư thục, chủ tịch hội đồng quản trị của trường cao đẳng dân lập chủ trì cuộc họp hội đồng quản trị trường dân lập để xác định tổng số thành viên và số lượng thành viên của từng thành phần của hội đồng quản trị trường tư thục; thực hiện các quy định còn lại tại điểm a khoản này để thành lập hội đồng quản trị của trường cao đẳng tư thục;

c) Đối với trường cao đẳng tư thục đã thành lập hội đồng quản trị, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này, chủ tịch hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức thực hiện quy trình quy định tại điểm a khoản này để thành lập hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ tiếp theo;

d) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị gồm: Tờ trình đề nghị công nhận hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng quản trị; danh sách chủ tịch và các thành viên của hội đồng quản trị; sơ yếu lý lịch của các thành viên; văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính cử thành viên tham gia hội đồng quản trị; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu chủ tịch hội đồng quản trị, các thành viên đại diện cho tổ chức, cá nhân góp vốn và giảng viên cơ hữu.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính. Số lượng hồ sơ là 01 bộ;

đ) Trong trường hợp chưa thể bầu được chủ tịch hội đồng quản trị hoặc chủ tịch hội đồng quản trị không thể tiếp tục làm việc hoặc thuộc các trường hợp đang đề nghị không công nhận quy định tại khoản 3 Điều này, trường cao đẳng tự thực cử quyền chủ tịch hội đồng quản trị trong số các thành viên của hội đồng quản trị; việc bầu, công nhận quyền chủ tịch hội đồng quản trị được thực hiện như đối với chủ tịch hội đồng quản trị và quyết định công nhận quyền chủ tịch hội đồng quản trị có giá trị không quá 6 tháng, kể từ ngày ban hành;

e) Trường hợp có thành viên của hội đồng quản trị bị khuyết do không được công nhận hoặc chuyển sang công tác khác không còn phù hợp với vị trí làm thành viên thì chủ tịch hội đồng quản trị căn cứ vào thành phần của thành viên bị khuyết để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế theo quy định tại điểm a của khoản này và gửi hồ sơ đề nghị công nhận bổ sung, thay thế thành viên hội đồng quản trị đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính. Hồ sơ gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp bổ sung thay thế, biên bản họp hội đồng quản trị, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu và các hồ sơ minh chứng liên quan (nếu có). Hiệu trưởng đương nhiên được công nhận là thành viên bổ sung vào hội đồng quản trị sau khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận hiệu trưởng.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính. Số lượng hồ sơ là 01 bộ.

g) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà trường, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính ra quyết định công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị, trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hoạt động của hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị họp thường kỳ ba tháng một lần. Việc tổ chức họp hội đồng bất thường do chủ tịch hội đồng quản trị quyết định, nhưng phải được ít nhất 1/3 số thành viên hội đồng quản trị đồng ý. Thông báo mời họp hội đồng quản trị phải kèm theo chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp và phải được gửi đến các thành viên hội đồng quản trị bằng thư bảo đảm hoặc thư phát chuyển nhanh, có chữ ký xác nhận của người nhận ít nhất 05 ngày trước ngày họp;

b) Các cuộc họp của hội đồng quản trị được coi là họp lệ khi có ít nhất 75% số thành viên tham dự. Quyết nghị của hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, theo nguyên tắc: Mỗi thành viên hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết; quyết nghị có hiệu lực khi có hơn 50% tổng số thành viên hội đồng quản trị đồng ý và phải được gửi đến các thành viên hội đồng quản trị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết nghị được thông qua;

c) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết nghị của hội đồng quản trị được thông qua, thành viên góp vốn, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát có quyền kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính xem xét hủy bỏ quyết nghị của hội đồng quản trị theo một trong các trường hợp:

Cuộc họp của hội đồng quản trị được tiến hành không bảo đảm các quy định tại điểm a và b của khoản này, nội dung quyết nghị của hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

d) Chủ tịch hội đồng quản trị được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của hội đồng quản trị và ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị;

đ) Trường hợp chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt trong khoảng thời gian theo quy định của quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường thì phải ủy quyền cho một trong số các thành viên còn lại của hội đồng quản trị đảm nhận trách nhiệm của chủ tịch hội đồng quản trị trong thời gian đi vắng. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, thông báo công khai và phải được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính. Thời gian ủy quyền không quá 6 tháng.

3. Không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị

a) Việc không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng quản trị; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị ốm đau, tai nạn không có khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ việc để điều trị quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục; đang chấp hành bản án của tòa án hoặc các trường hợp vi phạm khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng quản trị kiến nghị bằng văn bản đề nghị không công nhận;

b) Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị việc không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính quyết định, bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp không công nhận, các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do không công nhận;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính ra quyết định không công nhận chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị, trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 23. Thành viên góp vốn

1. Thành viên góp vốn là tổ chức hoặc cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng trường.

2. Thành viên góp vốn có các quyền sau:

a) Được tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tương ứng với phần vốn góp đang sở hữu;

b) Được chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của trường theo mức quy định trong báo cáo tài chính hàng năm của trường;

c) Được ưu tiên góp thêm vốn vào nhà trường khi nhà trường tăng vốn điều lệ; được ưu tiên mua lại phần vốn chuyển nhượng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mình;

d) Được ưu tiên việc làm, công việc quản lý phù hợp với năng lực cá nhân, quy định của pháp luật và quy định của nhà trường;

đ) Được định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, hiến tặng theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; trường hợp chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành thành viên góp vốn của trường;

e) Được cung cấp báo cáo tài chính hàng năm của trường; có quyền yêu cầu chủ tịch hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về tình hình và kết quả hoạt động của nhà trường; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số vốn góp được xem xét và trích lục sổ biên bản, nghị quyết của hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính, báo cáo của ban kiểm soát và tài liệu khác của nhà trường theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

g) Được chia một phần giá trị tài sản còn lại của trường trong số tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của trường khi trường bị giải thể;

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Thành viên góp vốn có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán đủ số vốn góp đã cam kết trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày chủ trương thành lập trường được phê duyệt; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của trường trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào trường;

b) Tuân thủ quy chế và các quy định quản lý nội bộ của nhà trường;

c) Chấp hành quyết nghị, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 24. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của trường cao đẳng tự thực là người đại diện cho các thành viên góp vốn đáp ứng quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường, có số lượng từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông của trường bầu trực tiếp.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình.

2. Thành viên của ban kiểm soát là người có quốc tịch Việt Nam; không là thành viên hội đồng quản trị, hiệu trưởng, kế toán trưởng (hoặc trưởng phòng tài chính) và không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, anh chị em ruột của

thành viên hội đồng quản trị, hiệu trưởng, kế toán trưởng (hoặc trưởng phòng tài chính) của trường.

3. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các hoạt động quản lý và điều hành của hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các đơn vị trong trường;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán;

c) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của trường;

d) Hàng năm hoặc theo yêu cầu phải thông báo với hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của ban kiểm soát trước khi chính thức thông qua đại hội đồng cổ đông;

đ) Báo cáo kết quả giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp đại hội đồng cổ đông; kiến nghị hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường;

e) Được quyền kiến nghị về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của trường với các cơ quan quản lý có thẩm quyền; được quyền yêu cầu hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị, hiệu trưởng và các cán bộ quản lý khác của trường cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao;

g) Được nhận các tài liệu cuộc họp hội đồng quản trị, các báo cáo của hiệu trưởng trình hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do trường phát hành cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên hội đồng quản trị;

h) Thành viên ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của nhà trường; có quyền đến các địa điểm làm việc của người lao động thuộc quản lý của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn kiểm soát theo kế hoạch;

i) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

k) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mọi hoạt động của ban kiểm soát phải không gây sự cản trở, làm gián đoạn đến các hoạt động của hội đồng quản trị và của nhà trường;

l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 25. Hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục

1. Hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục phải đảm bảo tiêu chuẩn theo Điều 20 Luật Giáo dục đại học. Nếu trường cao đẳng tư thục mời người chưa phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường về làm hiệu trưởng thì sau

khi được thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính ra quyết định công nhận, hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường.

2. Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường trình hội đồng quản trị thông qua;

b) Xây dựng quy định về: Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm, tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người lao động trong trường trình hội đồng quản trị thông qua;

c) Tổ chức tuyển dụng giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động khác; quyết định việc tiếp nhận, bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định; quyết định tuyển dụng, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chuyển chuyên công tác, ký hợp đồng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

d) Hàng năm, tổ chức đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động khác trong nhà trường;

đ) Xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn. Trường hợp không đồng ý với nội dung tư vấn, hiệu trưởng được quyết định, chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định và báo cáo hội đồng quản trị trong kỳ họp hội đồng gần nhất;

e) Tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng quản trị; trao đổi với chủ tịch hội đồng quản trị và thống nhất cách giải quyết theo quy định của pháp luật nếu phát hiện nghị quyết vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động chung của nhà trường. Trường hợp không thống nhất được cách giải quyết thì hiệu trưởng thực hiện nghị quyết của hội đồng quản trị nhưng phải báo cáo với thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính.

3. Bầu hiệu trưởng, công nhận và không công nhận hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục do hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên của hội đồng quản trị đồng ý; được thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính ra quyết định công nhận; có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của hội đồng quản trị và có thể được bầu, công nhận lại theo quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Độ tuổi giữ chức vụ hiệu trưởng đối với trường cao đẳng tư thục là không quá 75 đối với nam và không quá 70 đối với nữ.

Hồ sơ công nhận hiệu trưởng bao gồm: Tờ trình của hội đồng quản trị đề nghị công nhận hiệu trưởng, trong đó nêu rõ quy trình bầu; sơ yếu lý lịch, lý lịch khoa

học và bản sao bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ (nếu là bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) của người được đề nghị công nhận hiệu trưởng, biên bản họp và nghị quyết của hội đồng quản trị;

b) Việc không công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục được thực hiện trong các trường hợp tương tự như đối với miễn nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này. Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị việc không công nhận hiệu trưởng và gửi hồ sơ đề nghị không công nhận hiệu trưởng đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính, gồm: Tờ trình nêu rõ lý do không công nhận, các minh chứng về lý do không công nhận;

c) Hồ sơ công nhận hoặc không công nhận hiệu trưởng được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính. Số lượng hồ sơ là 01 bộ;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà trường, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi trường đặt trụ sở chính ra quyết định công nhận hoặc không công nhận hiệu trưởng, trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 26. Phó hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục

1. Phó hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục phải đảm bảo tiêu chuẩn theo khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này. Số lượng phó hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Nếu hiệu trưởng đề nghị bổ nhiệm người chưa phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường làm phó hiệu trưởng thì sau khi được hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, phó hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của nhà trường.

2. Bổ nhiệm và miễn nhiệm phó hiệu trưởng:

a) Độ tuổi giữ chức vụ phó hiệu trưởng không quá 75 đối với nam và không quá 70 đối với nữ;

b) Chủ tịch hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm phó hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục trên cơ sở đề nghị của hiệu trưởng và được trên 50% tổng số thành viên của hội đồng quản trị đồng ý.

3. Các nội dung khác theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

Điều 27. Các đơn vị trong trường cao đẳng tư thục

Quy định về các đơn vị trong trường cao đẳng tư thục được áp dụng tương tự như quy định đối với trường cao đẳng công lập nêu tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 của Điều lệ này. Riêng độ tuổi giữ chức vụ trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn của trường cao đẳng tư thục không được quá 75 đối với nam và 70 đối với nữ.

Mục 4
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG TƯ THỰC
HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN

Điều 28. Trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận

1. Trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện các quy định riêng tại Mục này, các quy định chung đối với trường cao đẳng tư thực tại Điều lệ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận không tổ chức đại hội đồng cổ đông.

3. Các trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận và các trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận được hưởng các chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển đội ngũ giảng viên; được ưu đãi thuế, miễn thuế và giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế; được ưu tiên giao hoặc cho thuê đất, được ưu tiên tiếp nhận các dự án đầu tư, đặt hàng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đối với những lĩnh vực mà trường có thế mạnh.

Điều 29. Hội đồng quản trị của trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị của trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là tổ chức quản trị, đại diện cho quyền sở hữu chung của cộng đồng nhà trường, là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà trường.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Thông qua quy chế tài chính nội bộ và các quy chế, quy định nội bộ khác của nhà trường, bao gồm cả quy định về tiêu chuẩn, việc lựa chọn thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của nhà trường trên cơ sở phù hợp với quy định chung của pháp luật;

b) Thông qua báo cáo hoạt động và quyết toán tài chính hàng năm của nhà trường;

c) Hàng năm, tổ chức họp đại hội toàn trường; tạo điều kiện để đại hội toàn trường thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này; duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội toàn trường; báo cáo trước đại hội toàn trường về kết quả hoạt động của nhà trường;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị của trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận có tổng số thành viên là số lẻ với số lượng tối thiểu là 15 thành viên. Thành phần của hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Giáo

đục đại học và các thành viên khác do quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định, trong đó đại diện cho các thành viên góp vốn chiếm không quá 20% tổng số thành viên của hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên hội đồng quản trị, việc xác định đại diện thành viên góp vốn, đại diện giảng viên cơ hữu và các quy định cụ thể khác về hoạt động của hội đồng quản trị được thể hiện trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

4. Chủ tịch hội đồng quản trị và các thành viên được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này. Chủ tịch hội đồng quản trị chủ trì cuộc họp đại hội toàn trường.

Điều 30. Thủ tục thành lập và công nhận hội đồng quản trị; hoạt động của Hội đồng quản trị; không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị trong trường cao đẳng tư thục không vì lợi nhuận

1. Thủ tục thành lập và công nhận hội đồng quản trị trong trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

a) Đối với trường cao đẳng tư thục thành lập mới: Sau khi có quyết định thành lập trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, đại diện đứng tên thành lập trường căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này để thành lập hội đồng quản trị;

b) Đối với trường cao đẳng tư thục chuyển đổi sang hoạt động không vì lợi nhuận: Sau khi có văn bản công nhận trường hoạt động không vì lợi nhuận, chủ tịch hội đồng quản trị đương nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 29 Điều lệ này để thành lập hội đồng quản trị;

c) Các thủ tục khác thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

2. Hoạt động của hội đồng quản trị, việc không công nhận chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị của trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận áp dụng theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

Điều 31. Ban kiểm soát của trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Ban kiểm soát của trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận gồm những người đại diện cho thành viên góp vốn, người lao động trong trường, do đại hội toàn trường bầu, có số lượng từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán, đại diện cho thành viên góp vốn chiếm không quá 40% tổng số thành viên của ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát do đại hội toàn trường bầu trực tiếp.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước đại hội toàn trường về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình.

2. Thành viên, nhiệm kỳ của ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

3. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Hàng năm hoặc theo yêu cầu phải thông báo với hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của ban kiểm soát trước khi chính thức công khai tại đại hội toàn trường;

b) Báo cáo kết quả giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp đại hội toàn trường; kiến nghị hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường;

c) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Điều 32. Thành viên góp vốn đầu tư xây dựng trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Các thành viên góp vốn đầu tư xây dựng trường có các quyền sau đây:

a) Được tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của đại hội toàn trường và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;

b) Được chia lợi tức hàng năm theo tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ, với mức quy định (nếu có) tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường nhưng không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ trong cùng thời kỳ;

c) Các quyền quy định tại điểm đ và điểm h, khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này.

3. Các thành viên góp vốn có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán đủ số vốn góp đã cam kết trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày chủ trương thành lập trường được phê duyệt;

b) Chấp hành nghị quyết, quyết định hội đồng quản trị;

c) Nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 33. Đại hội toàn trường trong trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Đại hội toàn trường bao gồm các thành phần sau đây:

a) Các thành viên góp vốn;

b) Các thành viên của hội đồng quản trị, ban kiểm soát;

c) Cán bộ quản lý, giảng viên của nhà trường. Trong trường hợp tổng số cán bộ quản lý và giảng viên của nhà trường vượt quá 300 người thì có thể cử đại biểu tham dự đại hội toàn trường với số lượng đại biểu không ít hơn 75% tổng số cán bộ quản lý và giảng viên của nhà trường.

2. Đại hội toàn trường có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Bầu, miễn nhiệm trưởng ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát;

b) Góp ý cho chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường do hội đồng quản trị đề xuất; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quy chế tài chính nội bộ của trường;

c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Đại hội toàn trường họp thường niên trong thời gian 4 tháng đầu năm của năm tài chính; mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp đại hội toàn trường được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường.

4. Điều kiện tiến hành họp đại hội toàn trường

a) Cuộc họp đại hội toàn trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất 75% số đại biểu quy định tại khoản 1 Điều này tham dự cuộc họp;

b) Việc triệu tập họp đại hội toàn trường phải được thực hiện theo hình thức văn bản thông báo mời họp; thông báo mời họp phải kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan và phải được gửi đến các thành viên góp vốn, các thành viên hội đồng quản trị và các đơn vị trong trường.

5. Nội dung các cuộc họp đại hội toàn trường phải được ghi đầy đủ vào biên bản cuộc họp và được thông qua ngay tại cuộc họp, có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Quyết nghị của đại hội toàn trường phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp và phải được gửi đến các đơn vị trong trường, các thành viên góp vốn, thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

6. Quyết nghị của đại hội toàn trường được thông qua tại cuộc họp có hiệu lực khi được ít nhất 65% các thành viên dự họp chấp thuận; các thành viên dự họp có quyền biểu quyết ngang nhau.

7. Việc bầu đại diện cán bộ quản lý và giảng viên tham dự đại hội toàn trường và các quy định cụ thể khác về đại hội toàn trường được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 34. Hồ sơ, thủ tục công nhận trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Đối với trường cao đẳng tư thục thành lập mới, ngoài hồ sơ xin thành lập trường cao đẳng theo quy định, trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận cần bổ sung:

a) Minh chứng về tài sản chung hợp nhất không phân chia đầu tiên của nhà trường khi thành lập (nếu có);

b) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là thành viên góp vốn xây dựng trường (nếu có) về việc nhận lợi tức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và văn bản cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của nhà trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với trường cao đẳng tự thực chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường; cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của nhà trường theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thông qua việc trường cao đẳng tự thực chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn;

c) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư thực hiện quy định tại Điều 6 của Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính nội bộ của nhà trường và các minh chứng liên quan đến vốn điều lệ của trường.

Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Thủ tục và thẩm quyền thành lập hoặc công nhận trường cao đẳng tự thực hoạt động không vì lợi nhuận:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều này và quyết định công nhận trường cao đẳng tự thực hoạt động không vì lợi nhuận.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Mục 1

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 35. Chương trình đào tạo, giáo trình

Chương trình đào tạo, giáo trình được quy định tại Điều 36 của Luật Giáo dục đại học. Chương trình đào tạo phải đảm bảo cấu trúc và yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được xây dựng, phát triển theo định hướng thực hành.

2. Trường cao đẳng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy phải đáp ứng các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học sau tốt nghiệp, đảm bảo đúng quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành; đảm bảo

tính thống nhất kiến thức giữa các môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo; được tổ chức đánh giá định kỳ, điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với thực tiễn, sự phát triển của ngành và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

b) Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có cấu trúc, nội dung và chuẩn đầu ra như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy;

c) Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để cập nhật và nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của người học phải đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và hội nhập quốc tế;

d) Trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện và phát triển chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 36 của Luật Giáo dục đại học; nội dung chương trình đào tạo phải bao gồm các môn học bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 36. Tổ chức, quản lý đào tạo, đánh giá quá trình đào tạo

1. Trường cao đẳng tổ chức và quản lý đào tạo theo quy định tại Điều 37 của Luật Giáo dục đại học; tổ chức đào tạo các ngành, chuyên ngành tại nơi đủ điều kiện và đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép; thực hiện đánh giá quá trình đào tạo và kết quả học tập của người học theo quy định tại các quy chế đào tạo.

2. Việc tổ chức, quản lý, đánh giá quá trình đào tạo đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành của Việt Nam về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

3. Các trường được thỏa thuận, cam kết công nhận, chuyển đổi tín chỉ, kết quả học tập và các nội dung khác liên quan đến học tập khi thực hiện trao đổi sinh viên trong và ngoài nước trên cơ sở đảm bảo khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo.

Điều 37. Hoạt động trợ giảng

1. Hoạt động trợ giảng nhằm hỗ trợ cho giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, chấm bài tập.

2. Giảng viên đang tập sự, trợ giảng; nghiên cứu sinh, học viên cao học từ cơ sở giáo dục đại học khác đang thực tập, nghiên cứu tại trường; những người có kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài trường và các giảng viên có thể tham gia các hoạt động trợ giảng trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

3. Việc giao thực hiện các hoạt động trợ giảng, nhiệm vụ, quyền và chế độ phụ cấp cho những người tham gia hoạt động trợ giảng được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 38. Văn bằng, chứng chỉ

1. Văn bằng, in phôi văn bằng và cấp văn bằng cho người học được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Giáo dục đại học.

2. Văn bằng tốt nghiệp được cấp kèm theo với bảng điểm và chứng chỉ của chương trình đào tạo.

3. Sinh viên tham gia các chương trình trao đổi sinh viên giữa trường cao đẳng trong nước với trường cao đẳng nước ngoài khi giữa hai trường có thỏa thuận công nhận chương trình, chuyển đổi tín chỉ lẫn nhau, thì được cấp thêm bằng tốt nghiệp trong nước sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo và đã được trường đại học nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp.

Điều 39. Đảm bảo chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng đào tạo

1. Trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của trường cao đẳng về đảm bảo chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng đào tạo được quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật Giáo dục đại học.

2. Trường cao đẳng có trách nhiệm tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế; tham gia giám sát hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

Mục 2 HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ

Trường cao đẳng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn về hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Giáo dục đại học và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Thực hiện nội dung hoạt động khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 40 của Luật Giáo dục đại học phù hợp với điều kiện của nhà trường, đáp ứng mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 39 Luật Giáo dục đại học và theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia đề xuất, tuyển chọn, tư vấn, phản biện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành.

3. Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu.

4. Xây dựng các nhóm nghiên cứu giảng dạy kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho giảng viên và người học.

5. Thiết lập các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ; trao đổi thông tin khoa học và công nghệ với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.

7. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp, các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ được nhà nước đặt hàng.

Điều 41. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tổ chức bộ phận hoặc đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường.

2. Ban hành quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trong nhà trường; các hoạt động gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo.

4. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ, xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của nhà trường; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.

5. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền hạn trong hoạt động hợp tác quốc tế

Trường cao đẳng thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định tại Điều 47 của Luật Giáo dục đại học và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của nhà trường phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế được quy định tại Điều 43 của Luật Giáo dục đại học và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

2. Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo thẩm quyền.

3. Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

Điều 43. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

1. Tổ chức bộ phận hoặc đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của nhà trường.

2. Xây dựng và ban hành quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của trường cao đẳng phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan khác.

3. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường.

4. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Chương IV **GIẢNG VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG**

Mục 1 **GIẢNG VIÊN**

Điều 44. Giảng viên trong trường cao đẳng

1. Giảng viên của trường cao đẳng được quy định tại Điều 54 của Luật Giáo dục đại học.

2. Giảng viên trường cao đẳng thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh giảng viên theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 45. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

Giảng viên trường cao đẳng thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 55 của Luật Giáo dục đại học và các nhiệm vụ, quyền cụ thể sau đây:

1. Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường.

2. Thực hiện quy định về chế độ làm việc đối với chức danh giảng viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

3. Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Được hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định của pháp luật; giảng viên trong các trường cao đẳng công lập làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi do Chính phủ quy định.

5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch và điều kiện của nhà trường; được tham gia vào việc quản lý và quản trị nhà trường; được tham gia các hoạt động xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng quyền theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ; giảng viên làm công tác quản lý trong trường cao đẳng nếu tham gia giảng dạy thì được hưởng các chế độ đối với giảng viên theo quy định của pháp luật và quy định hợp pháp của trường.

7. Tham gia quản lý người học và đóng góp trách nhiệm với cộng đồng.

Điều 46. Tập sự đối với giảng viên

1. Người trúng tuyển để làm giảng viên phải thực hiện chế độ tập sự 12 tháng.
2. Người đã thực hiện giảng dạy ở trường đại học hoặc cao đẳng tối thiểu 12 tháng không phải thực hiện chế độ tập sự; người có bằng tiến sĩ và đã tham gia giảng dạy trong thời gian làm nghiên cứu sinh thì được Hiệu trưởng xem xét rút ngắn thời gian tập sự.
3. Thời gian tập sự phải được quy định trong hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động.
4. Nội dung tập sự
 - a) Nắm vững quy định về quyền, nghĩa vụ của giảng viên, các hành vi giảng viên không được làm; tìm hiểu, nắm vững nội quy, quy định, quy chế đào tạo liên quan của trường cao đẳng nơi công tác và chức trách, nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng;
 - b) Củng cố, bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyên môn được phân công giảng dạy; chuẩn bị bài giảng; phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; quản lý lớp học;
 - c) Tham gia dự giờ, sinh hoạt chuyên môn học thuật của bộ môn, thực tập giảng dạy và thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng;
 - d) Hoàn thành chương trình và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với người chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.
5. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự đến nhận việc, trưởng bộ môn phải cử giảng viên có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

Điều 47. Đánh giá giảng viên

1. Đánh giá giảng viên được thực hiện theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Việc đánh giá giảng viên phải phản ánh được thực chất về trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm, khả năng nghiên cứu khoa học; về đạo đức, tác phong của giảng viên.

**Mục 2
NGƯỜI HỌC****Điều 48. Người học trong trường cao đẳng**

Người học trong trường cao đẳng được quy định tại Điều 59 của Luật Giáo dục đại học, bao gồm: Sinh viên, học sinh của các chương trình đào tạo; học viên bồi dưỡng ngắn hạn, thực hành, thực tập tại trường.

Điều 49. Nhiệm vụ và quyền của người học

Người học có nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 60 của Luật Giáo dục đại học và các nhiệm vụ, quyền cụ thể sau:

1. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường; tôn trọng các giá trị văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

2. Nộp học phí và lệ phí theo quy định.

3. Người học được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

4. Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hội sinh viên và tổ chức xã hội khác theo quy định của pháp luật.

Chương V**TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG****Điều 50. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính**

Trường cao đẳng thực hiện các quy định về nguồn tài chính; học phí, lệ phí tuyển sinh; quản lý tài chính; quản lý và sử dụng tài sản theo quy định tại Chương X của Luật Giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 51. Sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi trong trường cao đẳng tư thục

Phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường cao đẳng tư thục được sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Giáo dục đại học và các quy định cụ thể sau:

1. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, đóng góp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

2. Chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định hiện hành và theo quy chế tài chính nội bộ, quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Mức chi trả thu nhập cho người lao động và mức chi lợi tức cho các thành viên góp vốn và các chi khác thực hiện theo quy chế tài chính nội bộ và quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 52. Chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp, rút vốn trong trường cao đẳng tư thục

1. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn trong trường cao đẳng tư thục được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt

động, quy chế tài chính nội bộ của nhà trường, phù hợp với các quy định của pháp luật và phải đảm bảo các nguyên tắc chuyển nhượng sau:

a) Người có nhu cầu chuyển nhượng thông báo giá và các điều kiện chuyển nhượng với hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị thông báo giá và điều kiện chuyển nhượng đến các thành viên góp vốn còn lại và công khai với người lao động của trường với cùng điều kiện; thông báo phải có giá trị ít nhất 45 ngày;

c) Việc chuyển nhượng thực hiện theo thứ tự: Giữa các thành viên góp vốn của trường theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của từng thành viên; cho người lao động trong trường nếu các thành viên góp vốn không mua hoặc mua không hết; cho người không phải là thành viên góp vốn và người lao động trong trường nếu người lao động của trường không mua hoặc mua không hết.

2. Đối với trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, nguyên tắc chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp do nhà trường quy định trong quy chế tổ chức hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của nhà trường, không trái với các quy định hiện hành.

3. Việc rút vốn và chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp phải theo quy định của pháp luật, các quy chế của nhà trường và bảo đảm sự ổn định, phát triển của trường cao đẳng tư thực.

4. Trong trường hợp nhà trường bị giải thể, việc xử lý về tài chính, tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG CAO ĐẲNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 53. Trách nhiệm và quan hệ của trường cao đẳng đối với gia đình người học và xã hội

Trường cao đẳng đảm bảo các mối quan hệ sau:

1. Phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục tại nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, có giải pháp thu hút các tổ chức xã hội, các tổ chức tuyến dụng, các doanh nghiệp, các bên liên quan khác tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; góp ý kiến cho nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo, phát triển chương trình đào tạo; hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp, giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.

3. Phổ biến tri thức khoa học, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và dịch vụ trong cộng đồng.

Điều 54. Quan hệ giữa trường cao đẳng và các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp

1. Các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức sự nghiệp có trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

2. Trường cao đẳng phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức liên quan ở trong và ngoài nước để: Xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

3. Trường cao đẳng phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao.

4. Trường cao đẳng tạo điều kiện để các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong trường quan hệ với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phối hợp để thực hiện tốt các nội dung:

a) Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống;

b) Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực; bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn của người học; ngăn chặn việc sử dụng ma túy và các tệ nạn xã hội khác xâm nhập vào nhà trường;

c) Hỗ trợ theo khả năng về tài lực, vật lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, công tác của công chức, viên chức và người học trong nhà trường.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 55. Trách nhiệm của các trường cao đẳng

Tổ chức thực hiện Điều lệ; hoàn thiện bộ máy tổ chức, rà soát các mặt hoạt động, tiêu chuẩn giảng viên, cán bộ quản lý để đáp ứng quy định tại Điều lệ này; sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, ban hành mới quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ khác của nhà trường phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện Điều lệ này trong hệ thống các trường cao đẳng trên toàn quốc; thực hiện thống kê hàng năm và xây dựng cơ sở dữ liệu về các trường cao đẳng.

2. Trao đổi, thảo luận với các cơ quan trực tiếp quản lý trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện Điều lệ và trong việc giải quyết khó khăn, vướng mắc để bảo đảm sự thống nhất trong toàn hệ thống giáo dục đại học.

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Điều lệ trường cao đẳng, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; hủy bỏ hoặc kiến nghị hủy bỏ các quyết định trái với quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về giáo dục đại học.

Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý trường cao đẳng

1. Trực tiếp hoặc phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Điều lệ trường cao đẳng đối với các trường cao đẳng trực thuộc.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc quản lý các trường cao đẳng trực thuộc; giải quyết khó khăn, vướng mắc theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra, thanh tra hành chính đối với việc thực hiện Điều lệ này và xử lý vi phạm đối với các trường cao đẳng trực thuộc theo quy định.

Điều 58. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trực tiếp hoặc phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Điều lệ trường cao đẳng đối với các trường cao đẳng trực tiếp quản lý; chỉ đạo thực hiện việc công nhận hội đồng quản trị, công nhận hiệu trưởng và các quy định khác đối với các trường cao đẳng tư thục đóng trên địa bàn.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc quản lý các trường cao đẳng đóng trên địa bàn; giải quyết khó khăn, vướng mắc theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Điều lệ này theo thẩm quyền và theo chế độ phân cấp quản lý hiện hành; xử lý vi phạm đối với các trường cao đẳng trên địa bàn theo quy định của pháp luật./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Vũ Luận